

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **35/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 21/02/2023

“V/v Không công nhận quan hệ vợ
chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tô Văn Đức

Ông Ngô Văn Bê - Cán bộ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Hồng Vân- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết- Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 21/02/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 230/2022/TLST-HNGĐ ngày 02/11/2022 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/01/2023, Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số: 02/TB ngày 14/02/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tạ Thị H, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Cây Đa, xã Đông Phú, huyện LN, tỉnh BG.

Hiện lao động tại Đài Loan.

Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Giáp Thị Vân- VPLS Kim Vĩnh An, đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Cây Đa, xã Đông Phú, huyện LN, tỉnh BG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị Tạ Thị H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Hoàng Văn L kết hôn với nhau năm 2000 trên cơ sở tự nguyện. Hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và về chung sống với nhau ngay. Tuy nhiên, do không hiểu biết pháp luật nên trước đây bố chồng chị có xin UBND xã Đông Phú, huyện Lục Nam cấp cho đăng ký kết hôn số 53, quyển số 01-2000 ngày 10/09/2000 nhưng anh chị chưa bao giờ đến UBND xã để trực tiếp ký vào giấy đăng ký kết hôn và hiện nay trên bản gốc cũng không có chữ ký của hai vợ chồng và anh L vẫn đang giữ giấy đăng ký kết hôn này. Do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên anh chị có bàn bạc thống nhất để chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan để tăng thu nhập cho gia đình. Khi sang Đài Loan lao động thì anh chị vẫn liên lạc với nhau thường xuyên nhưng khi chị đi lao động thì ở nhà anh L chơi bời. Chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh L không thay đổi mà lại còn thường xuyên điện thoại hịch sách đối với chị. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa, anh chị đã nhiều năm sống ly thân với nhau; không có đời sống chung, không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị làm đơn này đề nghị Tòa án xem xét giải quyết tuyên bố chị với anh Hoàng Văn L không phải là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau anh chị có một con chung là cháu Hoàng Thị Phương A sinh ngày 23/10/2003 hiện cháu đang ở với bà nội tại thôn Cây Đa, xã Đông Phú, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Hiện cháu đã trên 18 tuổi, chị không đề nghị tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Anh chị tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh L có quan điểm trình bày: Về việc chị H xin ly hôn anh thì anh có ý kiến là đồng ý ly hôn. Anh và chị H từ lâu đã không liên hệ với nhau, chị H cũng không gửi tiền về cho anh để anh lo cuộc sống sinh hoạt trong nhà, chị H có gửi tiền về cho con không thì anh không biết. Ban đầu khi mới đi Đài Loan thì chị H vẫn liên hệ về nhưng sau đó thì chị H nói với anh là anh tìm người khác và không liên hệ với chị H nữa kể từ đó đến nay thì anh chị không còn liên hệ với nhau, không quan tâm nhau. Anh xác định không còn tình cảm gì với chị H Tuy nhiên nay chị H xin ly hôn thì chị H phải gọi điện về thông báo cho gia đình hai bên, thể hiện sự tôn trọng người lớn.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Hoàng Thị Phương A. Hiện nay cháu đã trên 18 tuổi, anh không có ý kiến gì.

. Về tài sản chung, công nợ chung: không có

Về việc vợ chồng anh mâu thuẫn và không còn quan tâm tới nhau thì hai bên gia đình có biết. Gia đình đã hòa giải nhưng anh chị không thể đoàn tụ với nhau.

Về việc đăng ký kết hôn giữa anh và chị H anh không nhớ rõ đề nghị giải quyết theo pháp luật.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Hương, anh L và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H xin vắng mặt, không có quan điểm gì khác về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của anh chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) căn giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Tạ Thị H và anh Hoàng Văn L. Về con chung: Chị H và anh L có 01 con chung là cháu Hoàng Thị Phương A, sinh ngày 23/10/2003, hiện nay cháu A đã trưởng thành, chị H và anh L không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết. Tài sản chung, công nợ: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết giải quyết, nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Căn cứ khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc chị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm và 3.240.000đ tiền chi phí giám định chữ ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Tạ Thị H là người Việt Nam, hiện đang ở Đài Loan có đơn xin ly hôn đối với anh Hoàng Văn L. Căn cứ công văn số: 23762/QLXNC-P5 ngày 09/11/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì chị H đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 26/01/2016, chưa thấy thông tin nhập cảnh về Việt Nam. Bị đơn anh Hoàng Văn L là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại thôn Cây Đa, xã Đông Phú, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật đây là vụ án “ly hôn” theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị Hương, anh L vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Hương, anh Long.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử thấy: Trước khi kết hôn chị Hương, anh L có được tự do tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đến Ủy ban đăng ký kết hôn tại số 53, quyển số 01-2000 ngày 10/09/2000 tại UBND xã Đông Phú, huyện Lục Nam. Tuy nhiên theo chị H trình bày chị và anh L chỉ xin UBND xã cấp cho giấy đăng ký kết hôn nhưng chưa bao giờ tới Ủy ban đăng ký kết hôn và hiện nay trên bản gốc cũng không có chữ ký của hai vợ chồng, anh L đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại báo cáo số 01/BC/UBND ngày 03/01/2023 ủy ban nhân dân xã Đông Phú có quan điểm trình bày trong sổ Đăng ký kết hôn năm 1999 có thấy trong sổ thứ tự 53, trang 23, quyển số 1999 có ngày tháng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/09/2000, tên Chồng là Hoàng Văn L, sinh năm 1979, dân tộc Nùng, quê quán thôn Cây Đa, xã Đông Phú, tên người vợ: Tạ Thị H, sinh năm 1982, Dân tộc: kinh, quê quán thôn Trại Va, xã Đông Phú, trong sổ không có chữ ký của người vợ và người chồng; Phần Họ, tên chức vụ của người ký Giấy chứng nhận kết hôn không ký, họ tên chữ ký của cán bộ hộ tịch không ký, qua xác minh anh Hoàng Văn L, cư trú Thôn Cây Đa, xã Đông Phú, chị Tạ Thị H cư trú Thôn Trại Va, xã Đông Phú, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Phú, có một người con chung là Hoàng Thị Phương Anh, sinh ngày 23/10/2003; sau khi xác minh nguyên cán bộ hộ tịch xã năm 2000 trả lời khi đăng ký kết hôn anh L và chị H có mặt tại UBND xã, còn phần chữ ký của anh L và chị H do quên lên không ký vào sổ đăng ký kết hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Do vậy quan hệ hôn nhân của chị H và anh L là không hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay chị H và anh L mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng chị H và anh L đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Chị H xin ly hôn anh L đồng ý. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 56, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của chị H tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Tạ Thị H và anh Hoàng Văn L.

[4]. Về con chung: Chị H và anh L có một con chung là cháu Hoàng Thị Phương A sinh ngày 23/10/2003. Hiện cháu đã trên 18 tuổi chị H không đề nghị toà án giải quyết và anh L cũng không có ý kiến gì nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, công nợ chung: chị H trình bày anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Về chi phí giám định chữ ký: Chị H tự nguyện chịu cả 3.240.000 đồng chi phí giám định nên căn cứ quy định tại Điều 161- Bộ luật Tố tụng dân sự cần chấp nhận sự tự nguyện này của chị Hương. (Xác nhận chị H đã nộp và chi phí xong số tiền này).

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 56, khoản 2 Điều 123, Điều 127- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; điểm b, khoản 1, Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Tạ Thị H và anh Hoàng Văn L.

2. Về án phí: Chị Tạ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000678 ngày 02/11/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí giám định chữ ký: Chị H tự nguyện chịu cả 3.240.000 đồng chi phí giám định nên căn cứ quy định tại Điều 161- Bộ luật Tố tụng dân sự cần chấp nhận sự tự nguyện này của chị Hương. (Xác nhận chị H đã nộp và chi phí xong số tiền này).

3. Về quyền kháng cáo:

- Chị Tạ Thị H hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Anh Hoàng Văn L cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND xã Đông Phú, Lục Nam
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hải Hương